

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm ngay khi mở cửa phiên sáng. Sau khi giằng co trong vùng 1,620 – 1,630, chỉ số lùi tiếp xuống đóng cửa tại mốc 1,599.10, giảm gần 44 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bất động sản, Bán lẻ dẫn đầu đà giảm. Ở chiều ngược lại, Công nghệ thông tin và Tiện ích tăng nhẹ. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, UPCOM và mua ròng trên sàn HNX. Thị trường đã để mất hỗ trợ quanh 1,625 và cho thấy sự giằng co quyết liệt quanh 1,600 giữa bên mua và bên bán. Thanh khoản hôm nay không quá lớn; trong trường hợp tích cực, VN-Index có thể tạo đáy ngắn hạn quanh 1,600 và bật lên từ đáy này. Tuy nhiên, nhà đầu tư vẫn nên duy trì tâm lý cẩn trọng trong giai đoạn này khi mà thị trường có diễn biến tăng giảm bất thường.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 07/11/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-43.54** điểm, đóng cửa tại **1599.1** điểm. HNX-Index **-6.04** điểm, đóng cửa tại **260.11** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.45)**, **FPT (+0.32)**, **NAB (+0.04)**, **SHI (+0.03)**, **KDC (+0.03)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-7.02)**, **VHM (-6.12)**, **CTG (-2.51)**, **VCB (-1.91)**, **VPB (-1.78)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **23,780** tỷ đồng, tăng **40.31%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24,633 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 43.25 điểm. Thị trường có **59** mã tăng, 37 mã tham chiếu, **270** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1311.39** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (-298.01 tỷ)**, **HDB (-166.37 tỷ)**, **MBB (-112.87 tỷ)**, **SSI (-105.84 tỷ)**, **VCB (-99.60 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **41.17** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-2.62%**. Các mã diễn biến tích cực:
FPT (+0.80%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-2.35%**. Các mã diễn biến tích cực:
GAS (+1.29%) [\(Link báo cáo\)](#)
NAB (+0.70%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-2.62%	-2.35%	-2.65%	-2.40%
1 tuần	-0.46%	-0.94%	-2.47%	-3.22%
1 tháng	-2.08%	-3.30%	-5.82%	-5.11%
3 tháng	-0.74%	-3.74%	0.89%	5.53%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,599.10	260.11	116.75
% 1D	-2.65%	-2.27%	0.46%
GTKL (tỷ VND)	23,780	1,733	739
%1D	40.31%	6.89%	9.37%
GDNN (tỷ VND)	-1311.39	41.17	-97.67

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	300.95	STB	-298.01
FPT	119.39	HDB	-166.37
PVD	82.27	MBB	-112.87
TCX	47.34	SSI	-105.84
VNM	39.55	VCB	-99.60

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

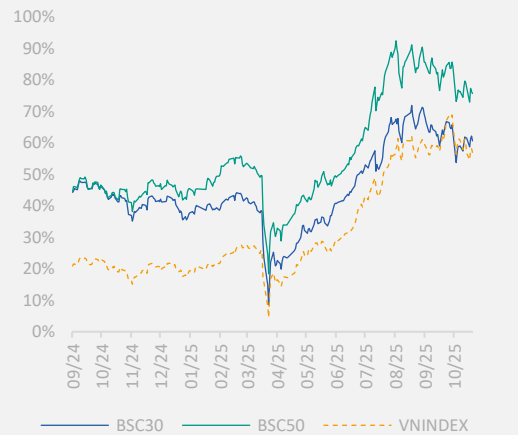
		%D	%W
SPX	6,720	-1.12%	-1.50%
FTSE100	9,708	-0.29%	-0.10%
Eurostoxx	5,611	-0.29%	-1.01%
Shanghai	3,998	-0.25%	1.08%
Nikkei	50,271	-1.21%	-2.06%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.95	0.60%
Giá vàng	4,008	0.41%
Tỷ giá		
USD/VND	26,358	0.01%
EUR/VND	31,139	0.21%
JPY/VND	176	0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	0.00%
LS LNH 1M	5.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

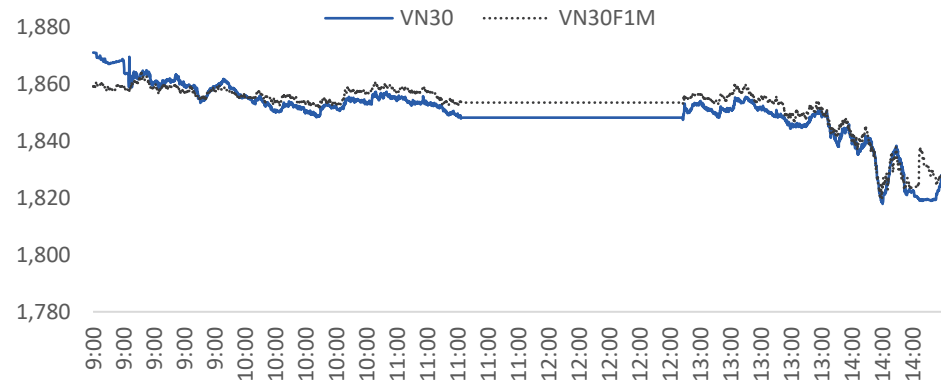
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
4111FB000	1827.80	-2.07%	284,890	-12.8%	20/11/2025	13
4111G6000	1825.00	-3.11%	31	29.2%	18/06/2026	223
VN30F2512	1820.50	-2.44%	1,065	0.4%	18/12/2025	41
4111G3000	1815.00	-2.68%	135	213.95%	19/03/2026	132

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -44.89 điểm, đóng cửa tại 1824.71 điểm. Biên độ dao động 46.98 điểm. Các cổ phiếu như VIC, MWG, VHM, LPB, STB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán kéo VN30 chìm trong sắc đỏ từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 4111FB000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVIC2515	16/10/2026	343	29,100	45.76%	245.00	5,760	45.8%	1.78	291.08	199.70	199.70
CVIC2516	18/01/2027	437	11,900	48.02%	250.00	5,700	45.8%	2.13	295.60	199.70	199.70
CFPT2520	23/07/2026	258	6,900	41.68%	131.40	780	41.8%	0.15	143.10	101.00	101.00
CFPT2533	18/01/2027	437	130,000	30.38%	106.00	2,140	22.3%	1.05	131.68	101.00	101.00
CTCB2520	8/09/2026	305	14,600	57.03%	45.10	3,360	20.9%	0.57	51.82	33.00	33.00
CVPB2532	18/01/2027	437	100	50.98%	35.00	1,630	20.7%	0.54	41.52	27.50	27.50
CVPB2520	4/05/2026	178	8,000	14.70%	22.22	2,330	16.5%	1.56	31.54	27.50	27.50
CFPT2532	16/10/2026	343	700	25.35%	102.00	2,050	14.5%	1.04	126.60	101.00	101.00
CSSB2508	4/05/2026	178	7,000	40.38%	21.67	620	8.8%	0.06	24.15	17.20	17.20
CTCB2521	8/03/2027	486	18,800	59.64%	42.60	5,040	7.5%	1.36	52.68	33.00	33.00
CTPB2508	25/12/2025	48	27,600	57.69%	25.40	310	6.9%	0.00	26.02	16.50	16.50
CTPB2506	23/07/2026	258	34,200	22.70%	16.87	1,770	6.0%	1.04	20.25	16.50	16.50
CSSB2507	3/04/2026	147	18,600	33.72%	21.00	500	4.2%	0.06	23.00	17.20	17.20
CHPG2515	19/12/2025	42	115,200	10.67%	26.83	600	3.4%	0.28	28.83	26.05	26.05
CHPG2528	23/02/2026	108	555,600	24.99%	30.00	1,280	3.2%	0.38	32.56	26.05	26.05
CFPT2526	25/06/2026	230	3,100	25.94%	115.30	1,190	1.7%	0.49	127.20	101.00	101.00
CVIC2514	25/06/2026	230	24,800	14.17%	148.89	7,910	1.5%	5.77	227.99	199.70	199.70
CVNM2503	26/03/2026	139	156,800	15.47%	63.21	720	1.4%	0.34	66.51	57.60	57.60
CVRE2511	13/04/2026	157	12,200	6.67%	21.50	5,970	1.4%	5.21	33.44	31.35	31.35
CHPG2518	20/05/2026	194	183,600	12.81%	23.32	2,430	1.3%	1.78	29.39	26.05	26.05

Nguồn: BSC

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

***:** Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 07/11/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CVIC2515 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 45.82%. CVHM2512 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.93%.
- CVHM2521, CVRE2526, CVHM2524, CVHM2523, CTPB2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2507, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	101.00	0.80%	1.79
GAS	62.90	1.29%	0.15

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	199.70	-3.90%	-7.28
MWG	76.50	-4.73%	-6.18
VHM	92.00	-6.98%	-5.48
LPB	49.30	-4.27%	-4.04
STB	48.35	-6.84%	-4.01

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	62.90	1.29%	0.45	2.41
FPT	101.00	0.80%	0.32	1.70
NAB	14.40	0.70%	0.04	1.72
SHI	14.90	4.93%	0.03	0.17
KDC	52.00	0.78%	0.03	0.29

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMC	169.20	9.94%	0.09	0.01
TFC	63.90	7.39%	0.05	0.02
PSD	16.90	6.29%	0.03	0.05
NFC	59.00	4.80%	0.03	0.02
IPA	19.00	0.53%	0.01	0.21

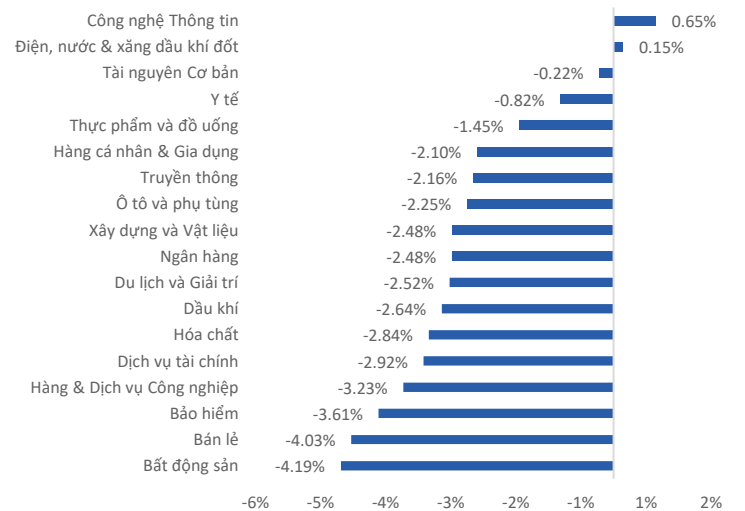
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HSL	10.65	6.82%	0.01	2.25
CCI	28.70	6.69%	0.01	0.00
ICT	23.95	6.68%	0.01	0.26
FUCVREIT	8.49	6.13%	0.00	0.00
SMC	13.00	5.26%	0.01	0.98

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMC	169.20	9.94%	0.56	0.02
STP	8.70	8.75%	0.02	0.00
GLT	22.20	7.77%	0.06	0.00
TFC	63.90	7.39%	0.29	0.00
PSD	16.90	6.29%	0.20	0.51

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	199.70	-3.90%	-7.02	3.88
VHM	92.00	-6.98%	-6.12	4.11
CTG	49.00	-4.11%	-2.51	5.37
VCB	59.30	-1.66%	-1.91	8.36
VPB	27.50	-3.51%	-1.78	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	81.20	-3.33%	-1.46	0.90
HUT	17.00	-6.59%	-0.72	1.07
SHS	21.40	-5.31%	-0.61	0.90
MBS	28.50	-4.04%	-0.41	0.59
KSV	156.30	-1.64%	-0.31	0.20

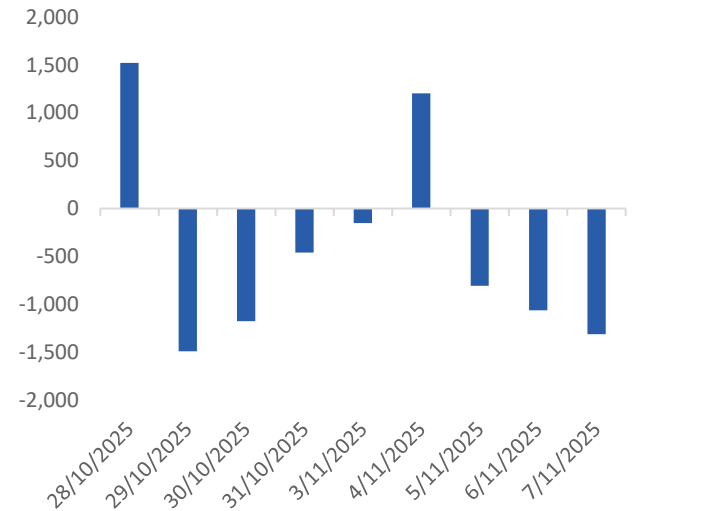
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	92.00	-6.98%	-6.09	9.89
DAT	9.12	-6.94%	-0.01	0.01
CTD	84.70	-6.92%	-0.14	2.82
STB	48.35	-6.84%	-1.44	21.03
VIX	24.50	-6.67%	-0.58	35.68

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CET	11.00	-9.84%	-0.02	0.03
SDU	18.10	-9.50%	-0.12	0.00
DAE	13.60	-9.33%	-0.01	0.00
VHL	10.80	-9.24%	-0.09	0.00
PCT	8.90	-9.18%	-0.15	0.03

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	76.5	-4.7%	1.3	118,720	726.3	3,955	20.3	100,800	46.4%	Link
KBC	Bất động sản	33.9	-5.2%	1.6	33,621	152.2	1,872	19.1	46,000	10.6%	Link
KDH	Bất động sản	32.5	-4.7%	1.1	38,268	224.1	857	39.8	39,900	27.4%	Link
PDR	Bất động sản	21.2	-3.9%	1.7	21,556	220.5	211	104.3	28,200	9.3%	Link
VHM	Bất động sản	92.0	-7.0%	1.3	406,223	928.1	6,133	16.1	119,600	9.1%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	101.0	0.8%	0.8	170,691	608.9	5,280	19.0	118,700	37.9%	Link
BSR	Dầu khí	16.0	-3.3%	0.0	82,620	76.0	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	34.0	-1.5%	1.3	16,490	361.5	3,040	11.4	42,800	11.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	21.9	-2.9%	1.4	24,353	296.6	1,437	15.7		35.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	33.0	-3.9%	1.4	71,204	1245.5	1,882	18.2		33.1%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.0	-2.2%	1.4	26,592	286.3	1,589	23.2		20.6%	
DCM	Hóa chất	34.2	-3.4%	1.1	18,741	94.5	3,578	9.9	47,300	4.7%	Link
DGC	Hóa chất	93.1	-2.0%	1.0	36,079	117.6	8,296	11.5	109,300	11.8%	Link
ACB	Ngân hàng	24.9	-1.6%	0.8	129,957	377.3	3,385	7.5	28,400	29.5%	Link
BID	Ngân hàng	37.5	-2.6%	0.9	270,322	122.6	3,781	10.2	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	49.0	-4.1%	1.1	274,407	651.3	6,208	8.2	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	30.0	-0.3%	1.3	116,168	673.0	3,678	8.2	30,800	16.7%	Link
MBB	Ngân hàng	23.3	-1.7%	1.1	190,903	501.3	3,017	7.9	32,000	20.7%	Link
MSB	Ngân hàng	12.1	0.0%	1.1	37,752	79.4	1,729	7.0	14,000	29.2%	Link
STB	Ngân hàng	48.4	-6.8%	1.1	97,843	1044.8	6,519	8.0		16.8%	
TCB	Ngân hàng	33.0	-1.8%	1.2	238,098	538.9	3,112	10.8	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.5	-2.4%	1.1	46,881	143.2	2,358	7.2	-	24.3%	Link
VCB	Ngân hàng	59.3	-1.7%	0.8	503,847	218.0	4,202	14.4	75,700	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	18.3	-1.4%	1.0	63,144	68.4	2,225	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	27.5	-3.5%	1.4	226,117	671.4	2,603	11.0	35,650	24.1%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.1	-0.2%	1.1	200,330	1500.9	1,876	13.9	33,170	18.5%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.9	-0.9%	1.4	10,557	111.9	1,178	14.4	19,800	5.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.1	-2.5%	0.9	9,910	70.3	4,150	6.2	31,700	2.8%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	76.8	-2.5%	1.2	113,938	572.3	2,196	35.9	92,700	22.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.6	-0.7%	0.5	121,217	189.0	4,160	13.9	64,500	49.0%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	38.5	-0.77%	1.1	8,581	32.0	2,413	16.1	20.1%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	139.5	-2.45%	0.9	24,353	70.7	3,620	39.5	32.2%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	52.0	-3.88%	0.9	40,160	24.7	3,594	15.1	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	19.7	-2.96%	1.3	16,168	162.6	518	39.2	4.8%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.9	-4.55%	1.5	20,174	363.6	401	49.4	22.4%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	32.0	-3.03%	1.4	5,886	86.5	3,424	9.6	4.1%	25.2%	
HDG	Bất động sản	30.2	-3.82%	1.5	11,617	76.4	938	33.5	20.5%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	38.0	-0.78%	1.1	14,535	60.3	4,849	7.9	10.7%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	37.7	-0.79%	1.2	18,413	51.1	2,191	17.3	46.1%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	55.0	-2.65%	1.2	13,679	10.5	5,474	10.3	3.3%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.3	-3.19%	1.3	5,634	12.3	1,763	17.8	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	21.0	-3.23%	1.5	18,850	139.7	852	25.5	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	199.7	-3.90%	0.9	800,657	753.6	2,287	90.9	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	31.4	-2.03%	1.5	72,714	451.5	2,144	14.9	15.0%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	38.9	-1.89%	0.9	8,385	23.5	1,833	21.6	38.6%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.0	-2.16%	0.7	44,153	87.8	2,090	16.6	15.2%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	24.7	0.00%	1.0	13,730	503.9	1,602	15.4	4.7%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	33.2	-4.05%	1.2	11,989	57.8	1,262	27.4	25.0%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.5	-4.04%	1.6	19,563	96.4	1,666	17.8	5.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.9	1.29%	0.6	149,844	76.1	5,014	12.4	1.7%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.2	-2.41%	0.8	34,074	98.4	812	17.9	2.6%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.6	-0.77%	0.7	35,262	18.3	4,776	13.6	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	178.0	-1.60%	0.7	107,022	401.3	2,897	62.5	7.3%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.0	-2.55%	1.5	40,698	468.1	2,313	19.5	9.1%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.4	-4.08%	1.0	28,191	150.4	3,505	18.9	43.3%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.8	-2.88%	0.9	10,571	195.5	6,185	10.1	8.3%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.6	-1.68%	0.8	8,412	74.7	2,090	8.6	8.8%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	105.0	-1.50%	0.0	12,982	108.8	3,139	34.0	5.0%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	87.5	-2.78%	0.8	30,703	39.5	6,922	13.0	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.9	-0.89%	0.8	3,154	29.4	2,535	11.1	48.7%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.3	-1.53%	1.2	2,523	11.7	2,880	6.8	17.8%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.7	-3.27%	1.1	16,624	132.4	1,212	20.2	4.9%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	27.8	-3.14%	1.7	114,800	90.5	1,569	18.3	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.5	-1.38%	1.1	40,514	142.7	1,635	13.3	4.2%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	49.3	-4.27%	0.9	153,845	140.6	3,469	14.9	1.1%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.4	0.70%	0.0	24,534	32.3	2,337	6.1	1.3%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.2	-1.62%	1.0	32,889	27.5	1,460	8.5	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.7	-0.30%	1.3	7,497	232.8	571	29.4	5.2%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.2	-3.37%	1.3	7,495	56.9	2,829	10.0	4.0%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.8	-1.24%	0.7	9,774	50.0	1,715	18.7	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.1	-0.11%	0.6	59,190	28.0	3,373	13.7	58.4%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.0	-2.95%	1.0	12,951	88.5	6,944	8.3	19.5%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	169.5	-5.31%	0.4	14,653	32.6	14,639	12.2	85.3%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	84.7	-6.92%	1.0	9,230	244.6	6,560	13.9	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	89.3	0.00%	0.9	10,215	80.8	5,128	17.4	5.4%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.6	-2.30%	1.2	4,390	36.4	3,037	14.3	5.3%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.9	-2.46%	1.4	7,088	79.5	1,106	12.9	9.8%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.3	-2.02%	1.0	8,852	51.6	1,584	15.6	12.0%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.5	-3.30%	1.1	15,677	234.3	6,148	3.9	5.7%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.6	-2.92%	1.2	21,521	62.5	3,090	15.5	3.9%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>